

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp X, xã P, huyện G, Tiền Giang.

- Bị đơn: **Đỗ Bùi Thành K**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp Y, xã P, huyện G, Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Đỗ Bùi Thành K**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Bùi Thành K thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con chung**:

+ Giao con chung tên Đỗ Bùi Vàng A, sinh ngày 21/12/2014 và Đỗ Bùi Tuyền A, sinh ngày 21/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh Đỗ Bùi Thành K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đỗ Bùi Vàng A, Đỗ Bùi Tuyền A mỗi tháng là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) cho mỗi con chung, cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 1.500.000

đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 tây hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/5/2019.

+ Anh Đỗ Bùi Thành K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, chị Nguyễn Thị Thu H và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

+ Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung, về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 46616 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện GCD;
- Cc.THA dân sự huyện GCD;
- UBND xã Tân phước;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quang Vũ